## 【京都府】主な野菜の作付面積と収穫量

	キャベツ 春キャベツ 夏秋キャベツ きゅうり 夏秋キャベツ きゅうり 夏秋きゅうり 夏秋きゅうり さといも 秋冬さといも その他さといも だいこん 春だいこん 東だいこん 大まねぎ	作付面積(ha)  253  140   127   112	収穫量(t) 7,110 4,330 3,950 3,020	出荷量(t) 5,750 3,770 3,300 2,400	作付面積(%) 103 103 nc nc 100 nc	対前年比 収穫量(%) 106 106 nc nc 99 nc	出荷量(%) 106 106 nc nc 98
	春キャベツ 夏秋キャベツ 冬キャベツ きゅうり 冬春きゅうり 夏秋きゅうり さといも 秋冬さといも その他さといも だいこん 夏だいこん 秋冬だいこん 大まねぎ	140 127 112	4,330  3,950  3,020 	3,770  3,300  2,400	103 nc nc 100 nc	106 nc nc 99 nc	100 no no 90 no 91
	夏秋キャベツ 冬キャベツ きゅうり 夏秋きゅうり 夏秋きゅうり さといも 秋冬さといも その他さといも だいこん 春だいこん 夏だいこん 秋冬だいこん	 127  112 	3,950  3,020 	3,300  2,400	nc nc 100 nc 100	nc 99 nc 98	ne ne
	冬キャベツ きゅうり 冬春きゅうり 夏秋きゅうり さといも 秋冬さといも その他さといも だいこん 春だいこん 秋冬だいこん たまねぎ	127 112	3,950  3,020 	3,300  2,400	nc 100 nc 100 nc	nc 99 nc 98	9! n: 9!
	きゅうり 冬春きゅうり 夏秋きゅうり さといも 秋冬さといも その他さといも だいこん 春だいこん 秋冬だいこん たまねぎ	127 112	3,950  3,020 	3,300  2,400 	100 nc 100 nc	99 nc 98	9: 9:
	きゅうり 冬春きゅうり 夏秋きゅうり さといも 秋冬さといも その他さといも だいこん 春だいこん 秋冬だいこん たまねぎ	 112  	3,020	2,400	100 nc 100 nc	99 nc 98	9: 9:
	冬春きゅうり 夏秋きゅうり さといも 秋冬さといも その他さといも だいこん 春だいこん 夏だいこん 秋冬だいこん	 112  	3,020	2,400	nc 100 nc	nc 98 nc	n: 9i
- - - - - - - - -	夏秋きゅうり さといも 秋冬さといも その他さといも だいこん 春だいこん 夏だいこん 秋冬だいこん		3,020  	2,400	100 nc	98 nc	98 no
7	さといも 秋冬さといも その他さといも だいこん 春だいこん 夏だいこん 秋冬だいこん				nc	nc	n
7	秋冬さといも その他さといも だいこん 春だいこん  変だいこん  秋冬だいこん たまねぎ						
- - 7	その他さといも だいこん 春だいこん 夏だいこん 秋冬だいこん				nc	nc	
- - 7	だいこん 春だいこん 夏だいこん 秋冬だいこん たまねぎ						n
- 7 1	春だいこん 夏だいこん 秋冬だいこん たまねぎ				nc	nc	ne
-  -  -  -	夏だいこん 秋冬だいこん たまねぎ				nc	nc	n
<u> </u>	秋冬だいこん				nc	nc	n
-  -  -  -	たまねぎ				nc	nc	n
-  -  -  -					nc	nc	n
-	トマト				nc	nc	n
-	, , ,	137	4,520	3,540	100	98	9
-	ミニトマト	8	190	152	100	98	9
- -	加工用トマト	×	х	х	x	x	
-	冬春トマト				nc	nc	n
	冬春ミニトマト				nc	nc	n
-	夏秋トマト	112	2,740	1,890	100	98	9
指							
_	夏秋ミニトマト	6	135	106	100	99	9
_	夏秋加工用トマト	х	х	×	х	х	
7	なす	164	7,150	6,160	98	96	9
定	冬春なす				nc	nc	n
L	夏秋なす	163	7,110	6,120	98	96	9
1	にんじん				nc	nc	n
L	春夏にんじん				nc	nc	n
野	秋にんじん				nc	nc	n
	冬にんじん				nc	nc	n
7	ねぎ	317	8,180	7,150	106	106	10
	春ねぎ	71	1,640	1,430	106	106	10
菜	夏ねぎ				nc	nc	n
-	秋冬ねぎ				nc	nc	n
-	はくさい				nc	nc	n
-	春はくさい				nc	nc	n
_	夏はくさい				nc	nc	n-
-	秋冬はくさい						
_					nc	nc	n
<u> </u>	ばれいしょ				nc	nc	n
_	春ばれいしょ		•••		nc	nc	n
-	秋ばれいしょ				nc	nc	n
t -	ピーマン(ししとう含)	91	2,010	1,650	105	104	10
L	冬春ピーマン				nc	nc	n
	夏秋ピーマン	87	1,890	1,540	105	103	10
[	ほうれんそう	341	5,250	4,520	102	99	9
I	レタス(サラダ菜含)				nc	nc	n
	サラダ菜				nc	nc	n
7	春レタス(サラダ菜含)				nc	nc	n
	春サラダ菜				nc	nc	n
1	夏秋レタス(サラダ菜含)				nc	nc	n
	夏秋サラダ菜				nc	nc	n
-	冬レタス(サラダ菜含) 冬サラダ菜				nc nc	nc	n

		# 11 <del>- 1+</del> 11 \	d= 4# El //>			対前年比	
		作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)
	アスパラガス				nc	nc	nc
	いちご				nc	nc	nc
	えだまめ				nc	nc	nc
	かぶ	142	5,170	4,590	93	109	110
	かぼちゃ				nc	nc	nc
	カリフラワー				nc	nc	nc
	かんしょ			=	nc	nc	=
	グリーンピース	14	86	65	nc	nc	nc
	ごぼう				nc	nc	nc
	こまつな	193	3,760	3,460	96	104	105
特	さやいんげん				nc	nc	nc
	さやえんどう	60	272	164	97	95	97
	ししとう	6	46	39	86	82	83
	冬春ししとう				nc	nc	nc
定	夏秋ししとう	5	45	38	83	82	83
	しゅんぎく	32	458	366	107	92	92
	しょうが				nc	nc	nc
	スイートコーン				nc	nc	nc
野	すいか				nc	nc	nc
	セルリー				nc	nc	nc
	そらまめ				nc	nc	nc
菜	ちんげんさい				nc	nc	nc
*	126				nc	nc	nc
	にんにく				nc	nc	nc
	ふき	11	54	48	100	86	86
	ブロッコリー	43	306	217	108	101	100
	みずな	145	2,190	2,000	102	96	97
	みつば				nc	nc	nc
	メロン				nc	nc	nc
	温室メロン				nc	nc	nc
	やまのいも				nc	nc	nc
	ながいも				nc	nc	nc
	れんこん				nc	nc	nc
20x 404 1881 a	林水産省「令和3年産野菜生産出る	告益計 : Ђ 7 € 「 会 和 2 年 彦 <i>仇</i>	r #dm €tr ⊕⊥ ı				

資料:農林水産省「令和3年産野菜生産出荷統計」及び「令和3年産作物統計」 注:表中に用いた記号「0]:単位に満たないもの(例:0.4ha—0ha)、「-」:事実のないもの、「…」:事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」:計算不能